

Số: *195*/BC – UBND

Phú Quốc, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
CÔNG KHAI ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ 1 NĂM 2025

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2025 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **9.682** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **6.071** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 4.741,400 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là **1.329,600** tỷ đồng), Thu do Chi Cục thuế Khu vực XX quản lý **3.611** tỷ đồng.

- Thu NSNN ước tháng 3/2025 là **944,687** tỷ đồng (đạt 69,87% so cùng kỳ), lũy kế **2.533,555** tỷ đồng, đạt **26,17%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **107,34%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước tháng 3/2025 là **644,687** tỷ đồng, lũy kế **1.398,976** tỷ đồng, đạt **23,04%** dự toán thành phố quản lý, đạt **192,37%** so cùng kỳ. Thu do Chi Cục thuế Khu vực XX quản lý ước tháng 3/2025 là **300** tỷ đồng, lũy kế **1.134,579** tỷ đồng, đạt **31,42%** so dự toán, đạt **69,47%** so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **1.092,141** tỷ đồng, thì số thu 3 tháng được **306,835** tỷ đồng, đạt **23,08%** so dự toán, đạt **112,86%** so cùng kỳ.

* Dự toán thu điều tiết (năm 2025 là **556,372** tỷ đồng): số thu điều tiết 3 tháng sau khi loại trừ thu tiền đất thì số thu điều tiết được hưởng để chi cân đối chi thường xuyên là **127,479** tỷ đồng (so số thu dự toán 3 tháng đầu năm 2025 thì hực thu **11,614** tỷ đồng, đạt **91,65%**, đạt **22,91%** so dự toán năm).

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước tháng 3/2025 là **565,187** tỷ đồng lũy kế **1.092,141** tỷ đồng, đạt **23,03%** so dự toán, đạt **239,85%** so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng **78,07%** trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý.

b. Chi ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2025 là **2.570,630** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.754,092** tỷ đồng (Chi XD CB 450.671 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 1.195,549 tỷ đồng; Nguồn tăng thụ tiết kiệm chi năm 2023 để bố trí: chi các công trình XD CB là 102,372 tỷ đồng, Quỹ Hỗ trợ nông dân và Ủy thác vốn ngân sách địa phương cho ngân hàng chính sách 5,500 tỷ đồng); Chi thường xuyên **558,122** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **364** tỷ đồng; Chi dự phòng **13,999** tỷ đồng; Chi khen thưởng **3,500** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **69,166** tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước tháng 3/2025 là **309,621** tỷ đồng, lũy kế **461,411** tỷ đồng, đạt **17,95%** so dự toán giao đầu năm, đạt **69,53%** so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước tháng 3/2025 là **33,782** tỷ đồng, lũy kế **100,548** tỷ đồng, đạt **18,01%** so dự toán giao đầu năm, đạt **20,18%** so cùng kỳ;

- Chi cải cách tiền lương ước tháng 3/2025 là: **27,494** tỷ đồng, lũy kế **75,795** tỷ đồng, đạt **20,82%** so với dự toán giao đầu năm, đạt **682,80%** so cùng kỳ;

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước tháng 3/2025 là: **9,141** tỷ đồng, lũy kế **24,543** tỷ đồng, đạt **35,48%** so với dự toán giao đầu năm, đạt **209,18%** so cùng kỳ;

- Chi khen thưởng ước tháng 3/2025 là: **0,700** tỷ đồng, lũy kế **1,120** tỷ đồng, đạt **31,99%** so với dự toán giao đầu năm;

- Chi dự phòng, lũy kế **0,101** tỷ đồng, đạt **0,72%** so với dự toán giao đầu năm;

2. Đầu tư Công:

Tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố là **1.748,592** tỷ đồng, Trong đó:

- Vốn XDCB được bố trí năm 2025 là **450.671** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Phòng. Giao dịch số 5 – KBNN Khu vực XX quản lý 0 tỷ đồng (Nguồn XDCB tập trung **450,671** tỷ đồng, gồm: nguồn vốn CDNS địa phương **16,174** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **14,462** tỷ đồng, nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%) **72,240** tỷ đồng, nguồn tăng thu tiết kiệm chi NS tỉnh bổ sung là: **333** tỷ đồng, nguồn CTMTQG XD nông thôn mới là **14,795** tỷ đồng); Nguồn Chi XDCB vốn ngân sách thành phố **1.297,921** tỷ đồng (trong đó: Ghi thu ghi chi **1.195,549** tỷ đồng).

- Giải ngân nguồn vốn XDCB kế hoạch năm 2025 thành phố quản lý: Khối lượng thực hiện tháng 03/2025 là 8,170 tỷ đồng; Lũy kế **11,210** tỷ đồng; Giá trị giải ngân tháng 03/2025 là **8,170** tỷ đồng; Lũy kế **11,210** tỷ đồng, đạt **2,49%** so kế hoạch, đạt **8,81%** so cùng kỳ. Cụ thể:

S T T	NỘI DUNG	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Khối lượng thực hiện		Giải ngân		Đạt tỷ lệ % so với KH đầu năm 2025	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
				KLTH tháng 3/2025	KLTH từ đầu năm đến ngày 31/3/2025	Giải ngân tháng 3/2025	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/3/2025		
I	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch 2025		450.671	8.170	11.210	8.170	11.210	2,49	8,81
1	VP Kho bạc Khu vực XX quản lý		-	-	-	-	-	-	-

	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW				-			
2	Phòng Giáo dục số 5 – KBNN Khu vực XX quân lý		450.671	8.170	11.210	8.170	11.210	2,49	8,81
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	16.174	300	300	300	300	1,85	21,93
	+ Đầu tư các dự án		16.174	300	300	300	300	1,85	
	- Nguồn thu sử dụng đất		72.240	6.526	9.430	6.526	9.430	13,05	8,08
	+ Nguồn thu sử dụng đất 60%	SDD	72.240	6.526	9.430	6.526	9.430	13,05	57,17
	- Nguồn XSKT	XS	14.462	1.344	1.480	1.344	1.480	10,23	16,13
	+ ĐTXD các dự án		14.012	1.344	1.480	1.344	1.480		
	+ Nhà tình nghĩa + nhà người có công		450		-		-		
	- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi NS tỉnh bổ sung		333.000	-	-	-	-		
	- Nguồn CTMTQG XDNT mới		14.795		-		-		
II	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2024 sang năm 2025		-	-	-	-	-		

- Chi XDCB từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách thành phố (KH 102,372 tỷ đồng): Tháng 03/2025 là **4,656** tỷ đồng, Lũy kế **7,404** tỷ đồng đạt **7,23%** so kế hoạch, đạt **1.201,95%** so cùng kỳ.

- Nguồn Chi XDCB vốn ngân sách thành phố (Ghi thu ghi chi KH 1.195,549 tỷ đồng): Ghi thu ghi chi tiền thuê đất tháng 03/2025 là: **225,678** tỷ đồng, Lũy kế **235,692** tỷ đồng đạt **19,31%** so kế hoạch, đạt **212,11%** so cùng kỳ.

- Chi Quỹ Hỗ trợ nông dân và Ủy thác vốn ngân sách địa phương cho NHCS năm 2025 từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách thành phố (KH 5,500 tỷ đồng): Lũy kế 5,500 tỷ đồng đạt **100%** so kế hoạch, đạt **100%** so cùng kỳ.

3. Công tác Quản lý giá; cấp giấy phép ĐKKD; tiếp nhận hồ sơ Tổ tụng hình sự; Hồ sơ Đấu giá; thanh lý và mua sắm TSCĐ:

3.1. Quản lý giá:

a/ Về lương thực, thực phẩm: Trong tháng 3/2025 nhìn chung giá lương thực, thực phẩm có tăng, giảm không đáng kể so với tháng 02 năm 2025.

b/ Về vật tư nông nghiệp: Trong tháng 3/2025 nhìn chung giá vật tư nông nghiệp không tăng không giảm.

c/ Đồ uống: Nước giải khát không tăng không giảm.

d/ Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt: Trong tháng 3/2025 nhìn chung giá có tăng, giảm không đáng kể, như: Xi măng: không tăng không giảm:

thép xây dựng (thép cuộn): không tăng không giảm; Cát xây: không tăng không giảm; Gạch xây: không tăng không giảm; Gas đun (loại bình 12kg): không tăng không giảm; Các mặt hàng khác không tăng không giảm.

3.2. Cấp giấy phép ĐKKD:

a/ Cấp mới tháng 3/2025: 150 hộ, lũy kế 450 hộ.

b/ Giải thể: 53 hộ, lũy kế 150 hộ; Cấp thay đổi: 126 hộ, lũy kế: 370 hộ; Cấp lại: 01 hộ, lũy kế 03 hộ; Tạm ngừng kinh doanh: 33 hộ, lũy kế: 100 hộ; Thu hồi lũy kế: không

c/ Cấp mới HTX năm 2025: 01 HTX, đến nay trên địa bàn thành phố có 27 Hợp tác xã đang hoạt động 02 chi nhánh HTX; Cấp đổi nội dung hợp tác xã: 01 HTX, lũy kế: 01 HTX; Chấm dứt nội dung hoạt động HTX: 0 HTX.

3.3. Hồ sơ tố tụng hình sự:

- Trong tháng 3/2025: 10 hồ sơ, lũy kế 33 hồ sơ (chủ yếu xử lý hồ sơ tồn đọng năm 2024).

3.4. Hồ sơ Đấu giá, định giá và mua sắm TSCĐ:

3.4.1/ Đấu giá: không.

3.4.2/ Thanh lý, điều chuyển Tài sản:

- Trong tháng 03/2025: Trình UBND thành phố ký Quyết định thanh lý tài sản: 00 hồ sơ, lũy kế 03 hồ sơ (Với số tiền 3.021.744.626 đồng).

3.4.3/ Mua sắm TSCĐ:

- Trong tháng 3/2025: chưa phát sinh.

4. Công tác quyết toán dự án hoàn thành và chi tiền bồi thường, hỗ trợ và TĐC cho các hộ dân có đất nằm trong các DA bị thu hồi trên địa bàn thành phố Phú Quốc:

4.1. Quyết toán dự án hoàn thành:

- Tháng 3/2025: 02 hồ sơ, Lũy kế 03 hồ sơ. Giá trị đề nghị 44,175 tỷ đồng, Lũy kế 104,558 tỷ đồng, giá trị thẩm tra quyết toán 43,877 tỷ đồng, Lũy kế 104,094 tỷ đồng, tiết kiệm 0,298 tỷ đồng, Lũy kế 0,464 tỷ đồng.

4.2. Chi tiền BT, HT và Tái định cư:

- Tháng 3/2025: Thực hiện chi trả cho 31 hộ dân, lũy kế 113 hộ dân, số tiền 90,276 tỷ đồng, lũy kế số tiền chi trả 117,990 tỷ đồng.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác:

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo UBND thành phố, Phòng đã tập trung phân bổ dự toán thu, giao dự toán chi cho các đơn vị dự toán thuộc thành phố quản lý và các xã, phường theo đúng quy định của Luật Ngân sách và Nghị quyết của HĐND thành phố.

Thực hiện Công khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Công khai giao chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố theo Thông tư 343/2016/BTC ngày 31/12/2016.

Đôn đốc đơn vị thanh quyết toán kinh phí ngân sách cấp bổ sung trong năm 2024 chưa hoàn thành trong niên độ ngân sách năm 2025 tiếp tục thanh quyết toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán.

Hoàn thành nhiệm vụ giao dự toán thu, chi năm 2025 cho các đơn vị hành chính (đơn vị thực hiện ND 130); các đơn vị sự nghiệp (thực hiện ND 60/2021/ND-CP); các xã, phường trên địa bàn thành phố.

Đảm bảo cân đối chi tiền lương và chế độ chính sách theo quy định cho các cơ quan ban ngành; các xã, phường kịp thời trước Tết (đảm bảo nguồn thực hiện ứng trước tiền lương tháng 2/2025 theo Công văn số 3560/STC-QLNS ngày 26/12/2024 của Sở Tài chính về việc ứng trước tiền lương cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước); Đảm bảo các khoản chi cho các đối tượng chính sách, các đối tượng xã hội trong dịp Tết Ất Tỵ.

Thực hiện phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chủ đầu tư.

Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã trên địa bàn thành phố; Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, thẩm định đối với công tác quản lý giá theo phân quyền của tỉnh, cập nhật thường xuyên thông tin về giá dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn trên cổng thông tin điện tử Phú Quốc.

Thực hiện công tác thẩm định giá, đấu giá tài sản tịch thu, sở hữu nhà nước, tổ tụng hình sự (xử lý hồ sơ tồn năm 2024).

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách thành phố, đầu tư công ước quý 1 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- CT và các Phó CT UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TC-KH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Tiến



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**

Biểu số 93/CK-NSNN

(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC

ngày 30/12/2016)

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2025

(Kèm theo BC số 195 /BC-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2025	So sánh Thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4=2/ck
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.682.000.000.000	2.533.555.287.143	26,17	107,34
I	Thu cân đối NSNN	6.071.000.000.000	1.394.675.785.913	22,97	193,40
1	Thu nội địa	6.071.000.000.000	1.394.675.785.913		
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		4.300.090.726		70,64
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý	3.611.000.000.000	1.134.579.410.504	31,42	69,47
IV	Thu viện trợ				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.570.638.914.297	461.411.310.287	17,95	69,53
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	2.501.473.363.382	436.868.620.059	17,46	67,01
1	Chi đầu tư phát triển	1.561.685.136.095	259.306.119.882	16,60	183,68
2	Chi thường xuyên	558.289.227.287	100.547.564.916	18,01	20,18
3	Chi khen thưởng	3.500.000.000	1.119.678.000	31,99	215,21
4	Dự phòng ngân sách	13.999.000.000	100.643.400	0,72	12,67
5	Chi từ nguồn CCTL	364.000.000.000	75.794.613.861	20,82	682,80
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				
II	Chi trợ cấp ngân sách xã	69.165.550.915	24.542.690.228	35,48	209,18



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2025

Biểu số 94/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

(Kèm theo BC số: 195 /BC-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.682.000.000.000	2.533.541.085.863	26,17	107,34
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		4.300.090.726		70,64
II	Thu cục thuế tỉnh quản lý	3.611.000.000.000	1.134.579.410.504		69,47
III	Thu nội địa	6.071.000.000.000	1.394.661.584.633	22,97	193,40
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	57.000.000.000	16.077.444.958	28,21	140,13
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	6.800.000.000	4.675.621.614	68,76	359,90
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	22.500.000.000	9.913.198.810	44,06	138,74
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	605.000.000.000	128.537.502.405	21,25	122,86
5	Thuế thu nhập cá nhân	263.800.000.000	59.304.603.168	22,48	80,25
6	Thuế bảo vệ môi trường	172.000.000.000	18.049.000.669	10,49	102,33
7	Lệ phí trước bạ	116.800.000.000	35.415.957.233	30,32	123,62
8	Thu phí, lệ phí	21.000.000.000	10.187.111.457	48,51	98,42
9	Các khoản thu về nhà, đất	4.741.400.000.000	1.092.466.169.821	23,04	239,92
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		325.557.255		
-	Thu tiền sử dụng đất	120.400.000.000	47.159.423.275		46,60
-	Thu tiền sử dụng đất(Các DA do cấp tỉnh quản lý)	3.155.451.000.000	444.758.447.648		
-	Ghi thu ghi chi	795.549.000.000			
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	670.000.000.000	600.222.741.643		169,48
	Trong đó: ghi thu ghi chi	400.000.000.000	235.692.315.938		
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	64.400.000.000	19.047.350.318	29,58	183,19
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu cố định tại xã		203.124.000		113,47
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển		777.900.180		9.217,10
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	300.000.000	14.201.280		
15	Thu đóng góp		6.600.000		5,05
IV	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	628.612.000.000	403.427.049.764		
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	568.912.000.000	386.975.519.607		
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	59.700.000.000	16.451.530.157		



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**

Biểu số 95/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2025

(Kèm theo BC số 195/BC-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	4=3/1	6=3/ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.570.638.914.297	461.411.310.287	17,95	69,53
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.570.638.914.297	461.411.310.287	17,95	69,53
I	Chi đầu tư phát triển	1.561.685.136.095	259.306.119.882	16,60	183,68
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (TWMT+tỉnh)	102.426.000.000	11.210.103.944	10,94	
2	Chi XDCB vốn thành phố	1.303.421.000.000	248.096.015.938	19,03	
3	Chi XDCB vốn thành phố (nguồn vốn được phép kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	155.838.136.095			
II	Chi thường xuyên	558.289.227.287	100.547.564.916	18,01	20,18
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	265.575.174.382	56.749.735.711	21,37	105,02
2	Chi y tế, dân số và gia đình				
3	Chi văn hóa thông tin	7.534.897.373	1.364.972.945	18,12	108,29
4	Chi phát thanh, truyền hình	1.345.282.500	18.963.760	1,41	
5	Chi thể dục thể thao	656.018.750	48.001.563	7,32	
6	Chi sự nghiệp môi trường, du lịch	113.000.000.000	19.157.103.000	16,95	181,51
7	Chi hoạt động kinh tế	90.434.395.973	9.924.676.385	10,97	2,38
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	64.387.655.809	10.052.676.631	15,61	90,46
9	Chi bảo đảm xã hội	11.425.802.500	3.231.434.922	28,28	109,94
10	Chi khác	3.930.000.000		-	
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	364.000.000.000	75.794.613.861	20,82	682,80
IV	Chi khen thưởng	3.500.000.000	1.119.678.000	31,99	
V	Dự phòng ngân sách	13.999.000.000	100.643.400	0,72	
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã	69.165.550.915	24.542.690.228	35,48	209,18
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		11.721.003.944		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		11.210.103.944		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		510.900.000		

